

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2020/DS-ST**

Ngày: 24-8-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng dân sự góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST-DS ngày 10/7/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 62/TB-TA ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh **Nguyễn Q** (L), sinh năm 1993 (có mặt)

1.2. Chị **La Hồng Y**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Hoàng T**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2.2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/8/2019, biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2020 nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y trình bày:*

Năm 2016 âm lịch anh chị có tham gia nhiều dây hụi do ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P làm chủ, cụ thể như sau: Ngày 05/11/2016 âm lịch anh chị tham gia 02 dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần vào ngày 05 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 1.000.000 đồng), hụi có 27 phần, anh chị tham gia mỗi dây 02 phần.

- Dây thứ nhất (Dây A): Anh chị góp hụi sống mỗi phần được 23 lần đến lần thứ 24 (ngày 05/9/2018 âm lịch) thì bỏ thăm phần hụi thứ nhất 1.700.000 đồng nên lĩnh được số tiền 45.900.000 đồng (đã trừ tiền cò), nhưng ông T, bà P vẫn chưa giao đồng nào. Sau đó anh chị vẫn góp hụi sống của phần hụi còn lại và hụi chết đến khi mãn hụi bằng cách ông T, bà P tự trừ số tiền anh chị đã lĩnh hụi được của phần hụi thứ nhất. Dây hụi này đến nay đã mãn.

- Dây thứ hai (Dây B): Anh chị góp hụi sống mỗi phần được 23 lần đến lần thứ 24 (ngày 05/9/2018 âm lịch) thì bỏ thăm phần hụi thứ nhất 1.300.000 đồng nên lĩnh được số tiền 47.100.000 đồng (đã trừ tiền cò), nhưng ông T, bà P vẫn chưa giao đồng nào. Sau đó anh chị vẫn góp hụi sống của phần hụi còn lại và hụi chết đến khi mãn hụi bằng cách ông T, bà P tự trừ số tiền anh chị đã lĩnh hụi được của phần hụi thứ nhất. Dây hụi này đến nay đã mãn.

Sau đó bà P có trực tiếp viết giao cho anh chị 01 tờ giấy nội dung ghi còn thiếu anh chị tổng cộng tiền hụi của 04 phần bằng 166.300.000 đồng sau khi đã trừ tiền hụi chết, nhưng cho đến nay ông T, bà P vẫn chưa trả cho anh chị được đồng nào.

Do trong quá trình làm đơn anh chị bị sơ suất nên ghi số tiền ông T, bà P còn nợ chỉ 166.000.000 đồng nên nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P phải trả cho anh chị số tiền hụi còn thiếu là 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại tờ trình ngày 17/12/2019, biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2019 ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P là bị đơn có ý kiến:*

Năm 2016 âm lịch ông bà có làm chủ nhiều dây hụi và anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y có tham gia góp hụi, cụ thể như sau: Ngày 05/10/2016 âm lịch mở 02 dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần vào ngày 05 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 1.000.000 đồng), hụi có 27 phần, anh Tỉnh, chị Y tham gia mỗi dây 02 phần.

- Dây thứ nhất (Dây A): Anh Tỉnh, chị Y góp hụi sống được 23 lần, đến lần thứ 24 (ngày 05/9/2018) thì bỏ thăm phần hụi thứ nhất 1.700.000 đồng nên lĩnh được số tiền 45.900.000 đồng (đã trừ tiền cò), nhưng do các hụi viên không góp tiền nên ông bà chưa giao số tiền này cho anh Tỉnh, chị Y và cũng kể từ thời điểm đó thì dây hụi này ông bà cũng tuyên bố úp hụi nên phần hụi thứ hai ông bà còn nợ tiền hụi tính theo tiền hụi thực tế mà anh Tỉnh, chị Y đã góp là 19.270.000 đồng.

- Dây thứ hai (Dây B): Anh Tỉnh, chị Y góp hụi sống được 23 lần, đến lần thứ 24 (ngày 05/9/2018) thì bỏ thăm phần hụi thứ nhất 1.300.000 đồng nên lĩnh được số tiền 47.100.000 đồng (đã trừ tiền cò), nhưng do các hụi viên không góp tiền nên ông bà chưa giao số tiền này cho anh Tỉnh, chị Y và cũng kể từ thời điểm đó thì dây hụi này ông bà cũng tuyên bố úp hụi nên phần hụi thứ hai ông bà còn nợ tiền hụi tính theo tiền hụi thực tế mà anh Tỉnh, chị Y đã góp là 19.220.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi trên ông bà còn nợ anh Tỉnh, chị Y số tiền 131.490.000 đồng, nhưng trừ cho mỗi dây 03 lần hụi chết là 12.000.000 đồng và trả được 12.000.000 đồng nên chỉ còn nợ số tiền 107.490.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 4.000.000 đồng đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y có ý kiến: Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P phải trả cho anh chị số tiền hụi còn thiếu là 147.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác..

- Bị đơn bà Nguyễn Thị P có ý kiến: Tôi xác định và thừa nhận vợ chồng còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y số tiền hụi còn thiếu là 147.000.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 4.000.000 đồng đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Lê Hoàng T không tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y buộc bị đơn ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P phải trả cho anh Tinh, chị Y số tiền hụi còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi”* của nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y. Đồng thời, bị đơn ông T, bà P cũng đã có ý kiến thể hiện bằng văn bản để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông T, bà P, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông T, bà P vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T, bà P (đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử), nhưng đơn ông T, bà P vẫn vắng mặt không có lý do, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa.

Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông T, bà P, nhưng vì điều kiện khách quan nên phiên tòa

theo Quyết định hoãn được thay đổi vào ngày 24/8/2020, đồng thời thủ tục này cũng đã được tổng đạt hợp lệ cho ông T, bà P, nhưng bị đơn ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Tỉnh, chị Y và bị đơn bà P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y với bị đơn ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau. Cụ thể: Ngày 05/11/2016 âm lịch anh Tỉnh, chị Y tham gia 02 dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần vào ngày 05 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 1.000.000 đồng), hụi có 27 phần, anh Tỉnh, chị Y tham gia mỗi dây (dây A, dây B) 02 phần do ông T, bà P làm chủ. Sau khi góp hụi đến lần thứ 24 là ngày 05/9/2018 âm lịch, anh Tỉnh, chị Y lần lượt bỏ thăm nên lĩnh mỗi dây một phần, trong đó: dây A lĩnh được 45.900.000 đồng, dây B lĩnh được 47.100.000 đồng, nhưng đến nay ông T, bà P vẫn chưa giao đồng nào cho anh Tỉnh, chị Y.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Tỉnh, chị Y và bị đơn bà P cùng thống nhất xác định và tự thỏa T: Hiện ông T, bà P còn nợ anh Tỉnh, chị Y số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 147.000.000 đồng.

Do đó, hiện nay bị đơn ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền hụi còn thiếu đối với nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y là **147.000.000đ** (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), vì đây là nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và các điều 15, 22, 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tỉnh, chị Y là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về thời gian và phương thức thực hiện việc trả nợ, do bị đơn ông Lê Hoàng T vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận sự tự thỏa T của các đương sự có mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, mà quyết định trách nhiệm của bị đơn ông Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị P phải trả nợ cho nguyên đơn anh Nguyễn Q, chị La Hồng Y theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh